

Số: 675/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 11 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, thụ lý số 303/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, gồm:

Những người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm: 1998

HKTT: ấp T1, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ: số nhà 43/1 đường N, Khu phố X1, phường T2, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm: 1995

Địa chỉ: số nhà 142/6 đường V, Khu phố X1, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trọng N đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2019 ngày 10/10/2019.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03/3/2022, bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trọng N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: không có.

[3] Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: không có.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trọng N thuận tình ly hôn.

- Con chung: không có.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ L phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0025700 ngày 10/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. T;
- CCTHADS TP. T;
- Đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh

